

Bản án số: **100/2025/HS-ST**
Ngày 07/11/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Xuân Giao và ông Bùi Ngọc Thảo.

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Văn Nam - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Khắc Ấn - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2025, tại Phòng xử án A, trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 67/2025/TLST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2025/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị Hoàng D** (tên gọi khác: Không); Sinh ngày 19 tháng 3 năm 1985; tại: Tỉnh Nam Định.

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Số B đường D, thôn D, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk); giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Viên chức kế toán; trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1954 và con bà Phạm T, sinh năm 1958; bị cáo có chồng tên Nguyễn Triệu L, sinh năm 1986 và có 03 người con, lớn nhất, sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26 tháng 6 năm 2025 cho đến nay – *Có mặt*.

Người bào chữa cho bị cáo D: Ông Đàm Quốc C - Luật sư thuộc Công ty L1 - Đoàn Luật sư tỉnh Đ. Địa chỉ tại: Số A đường Y, phường B, tỉnh Đắk Lắk (*Có mặt*).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1994. Địa chỉ tại: Thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã C, tỉnh Đắk Lắk),

+ Bà Phạm Thị Thanh T1, sinh năm 1981. Địa chỉ tại: Số H đường L, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa,

+ Ông Nguyễn Hữu T2, sinh năm 1961. Địa chỉ tại: TDP B, xã D, tỉnh Khánh Hòa.

+ Ông Phạm Quốc H, sinh năm 1977. Địa chỉ tại: Số B đường B (V), phường B, tỉnh Khánh Hòa.

+ Bà Đặng Thị Anh T3, sinh năm 1987. Địa chỉ tại: Số A D (V), phường B, tỉnh Khánh Hòa.

(Đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trung tâm K1 (từ năm 2019, đổi tên thành Trung tâm K2, Vật nuôi và Thủy sản tỉnh Đ), có trụ sở tại K, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk), là đơn vị sự nghiệp có thu, trực thuộc và chịu sự quản lý trực tiếp của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đ (gọi tắt là Sở NN&PTNN tỉnh Đ). Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm được quy định tại Quyết định số 284/QĐ-SNN ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Sở NN&PTNN tỉnh Đ (Theo Điều 8 Thông tư số 15/2015/TT-BNNPTNT của Bộ N3 (Bộ N4) Việt Nam, quy định về nhiệm vụ Trung tâm Khuyến nông tỉnh). Trong đó: Ngô Nhân, giữ chức vụ Giám đốc; Mạc Văn Đ giữ chức vụ Kế toán trưởng; Lê H1, giữ chức vụ Trưởng phòng Vật nuôi; Ngô Viết T4, giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Vật nuôi; Nguyễn Thị Hoàng D là nhân viên kế toán của Trung tâm K1.

Thực hiện công tác cung ứng sản phẩm giống gốc vật nuôi năm 2018, từ nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước cấp theo chủ trương của Chính phủ, về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích và việc phân bổ kế hoạch nuôi giữ và nhập giống gốc vật nuôi năm 2018, theo Văn bản chỉ đạo số 10332/BNN-TC ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Bộ N3 (Bộ N4) Việt Nam, về việc “*Giao các đơn vị đầu mối phân bổ dự toán NSNN 2018*” và Quyết định số 5607/QĐ-BNN-TC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ N4, về phân bổ kế hoạch nuôi giữ và nhập giống gốc vật nuôi năm 2018. Trên cơ sở Quyết định phân bổ kế hoạch của Bộ N4, trong lúc chờ hợp đồng đặt hàng sản xuất và cung ứng sản phẩm công ích giống vật nuôi của Cục C1 - Bộ N5, thì vào ngày 10 tháng 01 năm 2018, Phạm Thị Thanh T1 là Giám đốc Công ty Cổ phần P (Viết tắt là Công ty Cổ phần P) và Ngô N1, đã chủ động lập Biên bản ghi nhớ, với nội dung: Công ty Cổ phần P sẽ tạm ứng cho Trung tâm K1 số lượng 3.750 liều tinh bò Vinalica và 3.750 bộ dụng cụ thụ tinh nhân tạo (Găng tay Việt Nam - ống gen Pháp), để phối giống bò có chửa năm 2018 với chỉ tiêu 2.500 con bò.

Trên cơ sở vật tư và ngân sách Nhà nước được giao, Ngô N1, Lê H1, Ngô Viết T4, Mạc Văn Đ đã có hành vi chỉ đạo, hướng dẫn lập khống hồ sơ phối giống bò theo chỉ tiêu công ích, chiếm đoạt tiền và vật tư thuộc ngân sách Nhà nước của Bộ N4, quyết toán gây thiệt hại số tiền 234.095.000 đồng. Trong đó: Lê Đức N2 thực hiện hành vi lập khống hồ sơ 1000 con bò có chửa, quyết toán số tiền 93.638.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 36.625.000 đồng; Bùi Quang T5 và Nguyễn

Thị T6 thực hiện hành vi lập khống hồ sơ 300 con bò có chữa, quyết toán số tiền 28.091.400 đồng, chiếm đoạt số tiền 10.987.500 đồng; Nguyễn Đức T7, Bùi Chí V thực hiện hành vi lập khống hồ sơ 600 con bò có chữa, quyết toán số tiền 56.182.800 đồng, chiếm đoạt số tiền 21.975.000 đồng; Bùi Đức V1 và Nguyễn Văn T8 lập khống hồ sơ 600 con bò có chữa; quyết toán số tiền 56.182.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 21.975.000 đồng.

Đến năm 2021, Thanh tra Bộ N5 phát hiện Trung tâm K1, sai phạm trong việc triển khai phối giống bò công ích năm 2018. Các cá nhân có liên quan được hưởng lợi bất chính từ việc thanh toán hồ sơ lập khống chương trình phối giống bò công ích năm 2018 đã nộp lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt trái phép là 234.095.000 đồng. Trung tâm K1 đã nộp lại số tiền này cho Công ty CP P nộp vào tài khoản tạm giữ của Thanh tra Bộ N5 để khắc phục hậu quả.

Nguyễn Thị Hoàng D không được Lãnh đạo Trung tâm Khuyến nông phân công nhiệm vụ thực hiện chương trình này, không biết nội dung hợp đồng và chương trình phối giống bò công ích năm 2018 của Trung tâm K1. Với vai trò là nhân viên kế toán, thuộc phòng Hành chính - Tổng hợp, thuộc bộ phận Mạc Văn Đ - Trưởng phòng, cũng là Kế toán trưởng của đơn vị. Ngày 10 tháng 12 năm 2018, được sự đồng ý của Mạc Văn Đ, Nguyễn Thị Hoàng D sử dụng phần mềm kế toán do Công ty Cổ phần M cung cấp cho Trung tâm K1, để lập 01 Phiếu thu số PT 051 ngày 10 tháng 12 năm 2018, có nội dung “Công ty Cổ phần P, nộp tiền công phối giống bò công ích năm 2018 (2.500 x 40.388đ/con), số tiền 100.970.000 đồng”. Khi lập chứng từ này không có số tiền phát sinh như nội dung ghi trên Phiếu thu, không đưa vào sổ quỹ tiền mặt của Trung tâm K1. Nhận thức việc lập chứng từ phiếu thu trên là trái nguyên tắc tài chính, không đúng quy định, không có số tiền trên để đưa vào sổ quỹ tiền mặt, nên khi soạn thảo chứng từ xong Điều in chứng từ Phiếu thu PT 051 ngày 10 tháng 12 năm 2018, được in trên khổ giấy A4 với nội dung nêu trên và xóa chứng từ đã soạn trên phần mềm kế toán để không cập nhật số tiền trên chứng từ vào sổ quỹ của đơn vị. Điều ký tên Người lập phiếu, đưa cho Mạc Văn Đ, ký dưới mục Kế toán trưởng. Trên Phiếu thu thể hiện dưới mục Thủ quỹ ghi tên Nguyễn Thị N ký tên và người nộp tiền thể hiện Phạm Quốc H, nhân viên của Công ty CP P. Thời điểm từ ngày 09 tháng 12 năm 2018 đến ngày 15 tháng 12 năm 2018, Ngô N1 đi công tác tại Hàn Quốc, nên D không trình Ngô N1 để ký của Thủ trưởng đơn vị, nên trên Phiếu thu không có chữ ký thủ trưởng đơn vị, không đóng dấu tròn của Trung tâm K1 ở mục này. Chứng từ do D lập đã được đưa vào hồ sơ để Công ty CP P sử dụng đưa vào hồ sơ thanh toán, quyết toán tiền công phối giống bò công ích năm 2018, số tiền 100.970.000 đồng từ nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước do Bộ T11 quyết toán.

Năm 2019, ông Nguyễn Hữu T2, Kế toán của Công ty CP P phát hiện trên Phiếu thu tiền công phối giống bò công ích năm 2018 của Trung tâm K1, không có chữ ký thủ trưởng đơn vị, không có dấu tròn của Trung tâm K1, nên T2 đã điện thoại cho Nguyễn Thị Hoàng D đề nghị in lại Phiếu thu nộp tiền công phối giống

bò công ích năm 2018, số tiền 100.970.000 đồng, phải có chữ ký của thủ trưởng đơn vị và đóng dấu Trung tâm K1, nên D đã lập lại chứng từ có cùng nội dung phiếu thu số PT 051 ngày 10 tháng 12 năm 2018, in thành 02 bản có cùng nội dung giống nhau và ký tên người lập phiếu, đưa Mạc Văn Đ ký tên dưới mục kế toán trưởng. Sau đó, D đưa 02 chứng từ trên lên báo cáo với Ngô N1 về nội dung lập phiếu. N1 trả lời công ty đã trả tiền xong hết rồi chỉ để hợp thức hồ sơ và ký dưới mục thủ trưởng đơn vị, nên D đã giao lại 02 chứng từ trên cho Mạc Văn Đ. Đồng thời, để hợp thức hóa hồ sơ phục vụ đoàn kiểm tra Bộ N3. Ngô Nhân đã chỉ đạo Mạc Văn Đ kiểm tra hồ sơ nêu trên phát hiện chưa có chứng từ phiếu chi tiền công phối giống bò công ích, nên Đ trao đổi với Ngô Viết T4 tìm cách hợp thức hóa bổ sung chứng từ. Ngô Viết T4 đến phòng làm việc của D, lúc này có Mạc Văn Đ cũng đang ngồi làm việc, nói với D lập giúp 04 phiếu chi tiền công phối giống bò công ích năm 2018. Điều biết nội dung này vì trước đó đã lập phiếu thu tiền công phối giống bò công ích số tiền 100.970.000 đồng, Ngô Viết Tân đọc nội dung đề D nhập phần mềm kế toán: Phiếu chi số 228c ngày 24 tháng 12 năm 2018, nội dung nhận tiền công phối giống bò công ích năm 2018, người nhận tiền Lê Đức N2, đơn vị Trạm Khuyến nông thành phố B, nhận số tiền 40.388.000 đồng; Phiếu chi số 229c ngày 24 tháng 12 năm 2018, nội dung nhận tiền công phối giống bò công ích năm 2018, người nhận tiền Nguyễn Đức T7, đơn vị Trạm Khuyến nông K3, nhận số tiền 24.232.800 đồng; Phiếu chi số 229b ngày 24 tháng 12 năm 2018, nội dung nhận tiền công phối giống bò công ích năm 2018, người nhận tiền Bùi Đức V1, đơn vị Trạm Khuyến nông huyện E, nhận số tiền 24.232.800 đồng; Phiếu chi số 229a ngày 24 tháng 12 năm 2018, nội dung nhận tiền công phối giống bò công ích năm 2018, người nhận tiền Bùi Quang T5, đơn vị Trạm Khuyến nông huyện L, nhận số tiền 12.116.400 đồng. Sau đó, D in các phiếu chi trên và ký dưới mục Người lập, rồi đưa các chứng từ này cho T4 đưa cho Đ ký dưới mục kế toán trưởng. Tương tự như hình thức lập phiếu thu nêu trên, sau khi in ra xong, D đã xóa các phiếu chi trên phần mềm máy tính để không cập nhật vào tiền quỹ của đơn vị. Cũng khoảng thời gian này, Mạc Văn Đ đưa cho Nguyễn Thị N là nhân viên phòng hành chính, kiêm nhiệm thủ quỹ của Trung tâm K1, 01 chứng từ Phiếu thu số PT 051 ngày 10 tháng 12 năm 2018, nội dung tiền công phối giống bò công ích năm 2018 và 04 chứng từ phiếu chi tiền công phối giống bò công ích năm 2018 cho các Trạm Khuyến nông huyện Lắc; huyện K; huyện E và thành phố B, Đ nói “Chương trình này chú T4 đã làm việc với Công ty Cổ phần P và đã thực hiện xong rồi, nó không ảnh hưởng đến quỹ cơ quan, cháu ký vào đây, không ghi vào sổ quỹ tiền mặt, ký để hợp thức chứng từ”. Nữ kiểm tra thấy số tiền thu vào ghi trên chứng từ phiếu thu là 100.970.000 đồng và chi ra là 100.970.000 đồng bằng nhau theo ý kiến chỉ đạo của Đ là Kế toán trưởng, N ký dưới mục thủ quỹ các chứng từ trên, không ghi chép nghiệp vụ phát sinh vào sổ quỹ đối với số tiền này.

Kết quả kiểm tra dữ liệu phần mềm kế toán MISA 2018 tại Trung tâm K1: Nhật ký truy cập từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến 20 tháng 12 năm 2018, tìm kiếm số tham chiếu 51 thể hiện ngày 10 tháng 12 năm 2018 có thao tác thêm, sửa, xóa chứng từ PT 051 nội dung ghi trên PT 051 được lập “thêm” vào lúc 09 giờ 21 phút 50 giây SA (sáng), ngày 10 tháng 12 năm 2018, “sửa” vào lúc 09 giờ 33 phút 53 giây SA, “xóa” vào lúc 11 giờ 28 phút 05 giây SA “thêm” vào 02 giờ 18 phút

35 giây CH (chiều), nhưng không trích xuất in được từng nội dung thêm, sửa, xóa của chứng từ.

* Tại Kết luận giám định số 901/KL-KTHS ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Phòng K4 - Công an tỉnh Đ kết luận: Chữ ký mang tên Nguyễn Thị Hoàng D trên các mẫu cần giám định phiếu chi số 228c ngày 24/12/2018, người nhận tiền Lê Đức N2; Phiếu chi số 229c ngày 24/12/2018, người nhận tiền Nguyễn Đức T7; Phiếu chi số 229b ngày 24/12/2018, người nhận tiền Bùi Đức V1; Phiếu chi số 229a ngày 24/12/2018, người nhận tiền Bùi Quang T5; Phiếu thu số PT 051 ngày 10/12/2018, người lập phiếu Nguyễn Thị Hoàng D so với mẫu chữ ký mang tên Nguyễn Thị Hoàng D trên mẫu so sánh là do cùng một người ký ra;

+ Chữ ký mang tên Nguyễn Thị N trên các tài liệu cần giám định phiếu chi số 228c ngày 24/12/2018, người nhận tiền Lê Đức N2; Phiếu chi số 229c ngày 24/12/2018, người nhận tiền Nguyễn Đức T7; Phiếu chi số 229b ngày 24/12/2018, người nhận tiền Bùi Đức V1; Phiếu chi số 229a ngày 24/12/2018, người nhận tiền Bùi Quang T5; Phiếu thu số PT 051 ngày 10/12/2018, người lập phiếu Nguyễn Thị Hoàng D so với chữ ký mang tên Nguyễn Thị N trên mẫu so sánh là do cùng một người ký ra.

* Tại Bản kết luận giám định số 1392/KL-KTHS ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Phòng K4 - Công an tỉnh Đ (đối với 02 chứng từ Phiếu thu số PT 051 ngày 10/12/2018, nội dung Công ty CP P nộp tiền công phối giống bò công ích năm 2018, số tiền 100.970.000 đồng, được thu giữ tại Công ty CP P ngày 28/5/2024) kết luận: Chữ ký mang tên Nguyễn Thị Hoàng D dưới mục ‘NGƯỜI LẬP’ trên tài liệu cần giám định phiếu thu số PT 051 ngày 10/12/2018 và dưới mục ‘Người lập’ trên tài liệu cần giám định phiếu thu số PT 051 ngày 10/12/2018) so với chữ ký mang tên Nguyễn Thị Hoàng D trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký ra.

+ Chữ ký mang tên Nguyễn Thị N dưới mục ‘Thủ quỹ’ trên các tài liệu cần giám định 02 Phiếu thu số PT 051 ngày 10/12/2018 so với chữ ký mang tên Nguyễn Thị N trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký ra.

+ Hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “Trung tâm khuyến nông sở nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đ” trên tài liệu cần giám định kí hiệu A1 so với hình dấu tròn màu đỏ có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M2 do cùng một con dấu đóng ra.

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Thị N xác định chữ ký dưới mục thủ quỹ ghi tên Nguyễn Thị N, tại bản Kết luận giám định số 1392/KL-KTHS ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Phòng K4 - Công an tỉnh Đ, không phải chữ ký của bà N ký ra và đề nghị giám định lại chữ ký trên 02 chứng từ tạm giữ tại Công ty CP P.

Ngày 05 tháng 5 năm 2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ ban hành Quyết định trưng cầu Phân viện Khoa học hình sự Bộ C2 tại thành phố Đà Nẵng giám định lại mẫu chữ ký của bà Nguyễn Thị N.

* Tại Kết luận giám định số 684/KL-KTHS ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ C2 tại thành phố Đà Nẵng, kết luận:

Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Nguyễn Thị N dưới mục “Thủ quỹ” trên tài liệu mẫu cần giám định Phiếu thu, thể hiện nội dung: Ngày 10/12/2018, số PT 051, đơn vị Trung tâm K1, dưới mục Thủ trưởng đơn vị, có chữ ký không mang họ tên và hình dấu có nội dung Trung tâm khuyến nông sở nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đ, dưới mục Thủ quỹ có chữ ký mang tên Nguyễn Thị N trên 02 phiếu thu số PT 051 lập ngày 10/12/2018 so với chữ ký đứng tên Nguyễn Thị N trên các tài liệu mẫu so sánh có phải do cùng một người ký ra hay không.

Cáo trạng số: 250/CT-VKS-KV1 ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk truy tố bị cáo Nguyễn Thị Hoàng D, về tội “*Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng*” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 221 Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng với diễn biến vụ án mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Qua phân tích, đánh giá tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, đồng thời đề cập các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đề nghị HĐXX:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Hoàng D phạm tội “*Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng*”. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 221; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 36 BLHS đề nghị: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hoàng D mức án từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ; miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 36 BLHS.

- Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đã được xử lý tại Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2025/HSST ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk và Bản án hình sự phúc thẩm số 158/2025/HSPT ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Do đó không đề cập xử lý.

Đối với 02 Phiếu thu (bản gốc), 01 Phiếu thu (bản sao) và 04 Phiếu chi (bản sao), là các vật chứng của vụ án, nên đề nghị tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án để phục vụ xét xử và thi hành án.

- *Người bào chữa cho bị cáo D tranh luận:* Đồng ý với tội danh và điều luật đã truy tố, xét xử đối với bị cáo D. Việc bị cáo D bị xử lý hình sự đối với hành vi vi phạm pháp luật là đúng. Tuy nhiên, đề nghị HĐXX xem xét bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Ngoài ra trong quá trình công tác bị cáo còn đạt nhiều thành tích xuất sắc và được tặng nhiều giấy khen, nên đề nghị HĐXX áp dụng điểm i, s, v khoản 1 Điều 51 BLHS để cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

- *Đại diện Viện kiểm sát tranh luận:* Viện kiểm sát đã đề nghị đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Việc người bào chữa cho bị cáo đề nghị HĐXX áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, v khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo là không phù hợp, bởi lẽ:

Mặc dù bị cáo phạm tội lần đầu, nhưng tội phạm mà bị cáo bị truy tố, xét xử thuộc loại tội phạm nghiêm trọng, nên không thuộc và không được áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS; quá trình công tác hàng năm bị cáo được tặng giấy khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nên chỉ được áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS, không phải thuộc trường hợp quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 HLHS, nên đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm về điều luật áp dụng đối với bị cáo D, đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

Bị cáo không tranh luận gì thêm và nói lời nói sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến gì và khiếu nại về hành vi của những người tiến hành tố tụng, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Xét thấy quá trình điều tra những người này đã có lời khai, nội dung vụ án đã được làm rõ nên việc xét xử vắng mặt người này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 là phù hợp.

[3] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa cơ bản phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Qua đó có đủ căn cứ kết luận: Do ý thức coi thường pháp luật, coi thường trật tự quản lý kinh tế của nhà nước, nên vào ngày 10 tháng 12 năm 2018, tại Trung tâm K1, địa chỉ số A đường N, phường T, tỉnh Đắk Lắk, Nguyễn Thị Hoàng D đã sử dụng phần mềm kế toán do Công ty Cổ phần M cung cấp cho Trung tâm K1, để lập 03 Phiếu thu số PT 051 ngày 10 tháng 12 năm 2018, có cùng nội dung “Công ty Cổ phần P, địa chỉ: E đường B phường V, TP N, tỉnh Khánh Hòa, nộp tiền công phối giống bò công ích năm 2018 (2.500 x 40.388đ/con), số tiền 100.970.000 đồng”, sau đó đưa vào hồ sơ thanh quyết toán trình phối giống bò công ích năm 2018 trình Bộ T11, gây thiệt hại cho Ngân sách nhà nước số tiền 100.970.000 đồng, thì bị phát hiện xử lý.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Hoàng D bị Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk truy tố về tội “*Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 221 BLHS là có căn cứ pháp luật.

Điểm a khoản 1 Điều 221 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn thực hiện một trong những hành vi sau đây, gây thiệt hại từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc dưới 100.000.000 đồng nhưng đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính

về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Giả mạo, khai man, thỏa thuận hoặc ép buộc người khác giả mạo, khai man, tẩy xóa tài liệu kế toán”.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

[4.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, không hưởng lợi từ hành vi phạm tội, ngoài ra bị cáo còn đạt nhiều thành tích xuất sắc trong quá trình công tác, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ hơn nữa một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

[5] Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nghiêm trọng, như bị cáo là cán bộ, viên chức có chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực kế toán, nhận thức được hành vi lập khống chứng từ để hợp thức hóa hồ sơ nhằm mục đích thanh quyết toán là vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc kế toán và pháp luật, bị cáo thực hiện hành vi cố ý gây hậu quả nghiêm trọng do đó cần áp dụng mức hình phạt tương ứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nhằm cải tạo, giáo dục riêng, đồng thời răn đe, phòng ngừa chung trong đời sống xã hội về loại tội phạm này. Quá trình quyết định hình phạt cần xem xét đến việc bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định nên không nhất thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cho bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[6] Về việc khấu trừ một phần thu nhập: Xét thấy, bị cáo Nguyễn Thị Hoàng D thu nhập không ổn định, đang nuôi cha mẹ già và con nhỏ, nên miễn khấu trừ một phần thu nhập theo quy định tại khoản 3 Điều 36 BLHS như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp

[7] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đã được xử lý tại Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2025/HSST ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk và Bản án hình sự phúc thẩm số 158/2025/HSPT ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Do đó không đề cập xử lý.

Đối với 02 Phiếu thu (bản gốc), 01 Phiếu thu (bản sao) và 04 Phiếu chi (bản sao), là các vật chứng của vụ án, nên đề nghị tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án để phục vụ xét xử và thi hành án.

[8] Đối với nội dung khác:

8.1. Trong vụ án này, đối với bà Nguyễn Thị N là nhân viên hành chính, kiêm nhiệm thủ quỹ thuộc Phòng Hành chính của Trung tâm K1, Mạc Văn Đ là người Trưởng Phòng cũng là Kế toán trưởng quản lý trực tiếp về công việc chuyên môn. Quá trình thực hiện chương trình phối giống bò công ích năm 2018 của Trung tâm K1, N không biết kinh phí của chương trình này, nhưng theo sự chỉ đạo của cấp

trên là Đ, thì N đã ký xác nhận dưới mục Thủ quỹ 01 Phiếu thu tiền công phối giống bò công ích năm 2018 số tiền 100.970.000 đồng và ký 04 phiếu chi tiền công phối giống bò công ích cho các Trạm Khuyến nông huyện L, huyện K, huyện E và thành phố B với tổng số tiền 100.970.000 đồng. Việc N ký xác nhận trên các chứng từ thu, chi không mở sổ sách kế toán ghi nhận nghiệp vụ phát sinh thu vào, chỉ ra theo quy định là vi phạm quy định về nguyên tắc kế toán. Tuy nhiên, thời điểm Mạc Văn Đ đưa các chứng từ cho N ký vào năm 2019, mục đích của việc ký chứng này là bổ sung hồ sơ lưu trữ tại Trung tâm K1 để phục vụ đoàn kiểm tra của Bộ N3, không sử dụng để lập hồ sơ quyết toán tiền, không gây thiệt hại. Đối với, 02 chứng từ có cùng nội dung thu tiền công phối giống bò công ích của Công ty CP P số tiền 100.970.000 đồng, trong hồ sơ thanh toán được lưu giữ tại Công ty CP P, N xác nhận không ký trên 02 chứng từ này. Cơ quan giám định cũng không đủ cơ sở kết luận chữ ký trên chứng từ có phải do cùng một người ký ra hay không, với các tài liệu, chứng cứ thu đã thu thập đượcm hiện không đủ căn cứ để xác định hành vi của Nguyễn Thị N cấu thành tội phạm. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ không đề cập xử lý đối với Nguyễn Thị N là phù hợp.

8.2. Đối với hành vi của Ngô N1, Lê H1, Ngô Viết T4, Mạc Văn Đ, Lê Đức N2, Bùi Quang T5, Nguyễn Thị T6, Nguyễn Văn T9, Bùi Chí V, Bùi Đức V1 và Nguyễn Văn T8 đã bị xét xử tại Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2025/HSST ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk và Bản án hình sự phúc thẩm số 158/2025/HSPT ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập trong vụ án này là phù hợp.

8.3. Đối với Công ty CP P, là đơn vị tư nhân đủ điều kiện sản xuất và cung ứng sản phẩm giống gốc vật nuôi bò có chữa, được Cục C1 – Bộ N5 chọn để ký hợp đồng đặt hàng phối giống số lượng 7.992 con bò chữa, tổng giá trị thành tiền 1.198.847.952 đồng. Công ty CP P không trực tiếp thực hiện phối giống mà đã ký hợp đồng với Trung tâm K1, để đặt hàng phối giống số lượng 2.500 con bò chữa, tổng giá trị Hợp đồng là 234.095.000 đồng và Công ty TNHH K5 (tỉnh Quảng Ngãi) số lượng 5.492 con bò chữa, tổng giá trị Hợp đồng là 514.685.896 đồng. Số tiền còn lại là chi phí quản lý của Công ty CP P để thực hiện hợp đồng nêu trên. Công ty CP P có trách nhiệm “sử dụng kinh phí được hỗ trợ đúng mục đích và chịu trách nhiệm về việc quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ..” “Nghiệm thu theo hồ sơ và nghiệm thu thực địa; Kiểm tra và nghiệm thu Giữa kỳ, đột xuất và cuối kỳ”. Cục C1 – Bộ N5 có chức năng kiểm tra, giám sát, nghiệm thu “*nghiệm thu theo hồ sơ và nghiệm thu thực địa; Kiểm tra và nghiệm thu Giữa kỳ, đột xuất và cuối kỳ*” nghiệm thu thanh lý hợp đồng. Quá trình thực hiện bà Phạm Thị Thanh T1, Giám đốc Công ty CP P không tổ chức kiểm tra tiến độ phối giống bò tại các địa phương, không kiểm tra thực tế kết quả phối giống của đơn vị thực hiện phối giống bò chữa, lợi dụng việc thiếu kiểm tra, giám sát dẫn đến việc lập không hồ sơ danh sách phối giống bò có chữa để thanh toán vật tư và tiền công phối giống bò chiếm đoạt tổng giá trị 234.095.000 đồng. Tuy nhiên, hợp đồng giữa Cục C1 và Công ty CP P là hợp đồng kinh tế, theo thỏa thuận hình thức đặt hàng phối giống bò có chữa, là quan hệ dân sự. Sau khi phát hiện việc lập hồ sơ không để thanh quyết toán Công ty CP P đã thu hồi toàn bộ số tiền đã bị chiếm đoạt nộp vào ngân sách

Nhà nước để khắc phục hậu quả. Hành vi trên không cấu thành tội phạm, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý trong vụ án này là phù hợp.

8.4. Đối với Công ty TNHH K5, địa chỉ số B N, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, (nay là phường C, tỉnh Quảng Ngãi): Là đơn vị ký kết Hợp đồng với Công ty CP P để thực hiện phối số lượng 5.492 con bò chữa. Sau khi nhận vật tư số lượng 8.250 liều tinh bò (đơn giá 31.000 đồng/liều) đã bán cho dẫn tinh viên để lấy tiền, chỉ hỗ trợ cho dẫn tinh viên 7.000 đồng/liều dưới hình thức khuyến khích mua tinh (dạng hoa hồng) không cung cấp miễn phí dụng cụ thụ tinh nhân tạo, không trả tiền công phối giống bò cho dẫn tinh viên, nhưng lập hồ sơ, chứng từ để nghiệm thu thanh quyết toán chiếm đoạt số tiền 514.685.896 đồng. Toàn bộ số tiền trên đã được thu hồi nộp lại cho Cơ quan Thanh tra Bộ N3 vào năm 2021. Tuy nhiên, hành vi hợp thức hóa hồ sơ để thanh toán chiếm đoạt tiền của Công ty TNHH K5 chưa được xác minh, điều tra làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ, tách hành vi lập khống hồ sơ để thanh quyết toán chiếm đoạt tài sản của Công ty TNHH K5 ra khỏi vụ án, có văn bản trao đổi, chuyển tài liệu có liên quan đến vụ việc trên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q tiếp tục xác minh làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật là phù hợp.

8.5. Đối với Cục C1 – Bộ N5 (nay là Bộ N6): Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích và Thông tư số 116/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ T11 về việc hướng dẫn lập, phân bổ dự toán, quyết toán kinh phí sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản. Cục C1 – Bộ N5 là đơn vị thực hiện chủ trương của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích và việc phân bổ kế hoạch nuôi giữ và nhập giống gốc vật nuôi năm 2018 từ nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước. Cục Chăn nuôi có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, ký kết hợp đồng, quản lý kinh phí sử dụng, nghiệm thu kết quả phối giống “nghiệm thu theo hồ sơ và nghiệm thu thực địa; Kiểm tra và nghiệm thu giữa kỳ, đột xuất và cuối kỳ” nghiệm thu thanh lý hợp đồng. Tuy nhiên, quá trình ký Hợp đồng đặt hàng với Công ty CP P để thực hiện phối 7.992 con bò có chữa, tổng giá trị với thành tiền 1.198.847.952 đồng. Ông Nguyễn Văn T10, Phó Cục trưởng Cục C1 là người đại diện ký hợp đồng, cũng là Trưởng đoàn kiểm tra nghiệm thu hợp đồng này cùng nhân viên các phòng ban thuộc Cục C1; các thành viên thuộc Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường; Vụ Kế hoạch thuộc Bộ N5; Cục T12 – Bộ T11 tham gia đoàn nghiệm thu, không thực hiện đúng quy trình nghiệm thu, thanh lý hợp đồng, không tổ chức kiểm tra tiến độ phối giống bò tại các địa phương, kiểm tra kết quả phối giống thực tế mà chỉ kiểm tra trên hồ sơ do Công ty CP P; lợi dụng việc thiếu kiểm tra, giám sát chặt chẽ của Cục C1, các đơn vị thuộc đoàn kiểm tra và Công ty CP P, dẫn đến Trung tâm K1 và Công ty TNHH K5 đã lập khống hồ sơ danh sách phối giống bò có chữa để thanh toán chiếm đoạt vật tư và tiền công phối giống bò công gây thất thoát ngân sách Nhà nước. Hành vi trên của ông Nguyễn Văn T10 và các thành viên của Đoàn kiểm tra liên quan đến nhiều đơn vị, nhiều địa phương như Công ty CP P, tại tỉnh Khánh Hòa; Trung tâm K1 và Công ty TNHH K5, tại tỉnh Quảng Ngãi liên quan đến tổng giá trị hợp đồng số tiền 1.198.847.952 đồng. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã tách hành vi trên của Cục C1 và

các đơn vị có liên quan ra khỏi vụ án, có văn bản trao đổi, chuyển tài liệu có liên quan đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q để tiếp tục điều tra, xác minh xử lý là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Hoàng D phạm tội “*Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng*”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

2.1 Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 221; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Hoàng D** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Đ nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Hoàng D cho Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Đắk Lắk giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2.2. Miễn khấu trừ một phần thu nhập cho bị cáo Nguyễn Thị Hoàng D

3. Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Đã được xử lý tại Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2025/HSST ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk và Bản án hình sự phúc thẩm số 158/2025/HSPT ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Đối với 02 Phiếu thu (bản gốc), 01 Phiếu thu (bản sao) và 04 Phiếu chi (bản sao), là các vật chứng của vụ án, nên đề nghị tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Hoàng D phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I-TANDTC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 1 - Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- CQCSĐT CA tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp;
- Phòng HSNVCA Đắk Lắk;
- Bị cáo; Người liên quan;
- UBND nơi bị cáo cư trú.
- Đảng bộ Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ HỒNG THANH